

Số: 196/CBTT-KTS/2023

Kon Tum, ngày 06 tháng 09 năm 2023

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức : Công ty cổ phần Đường Kon Tum.
- Mã chứng khoán: KTS
- Địa chỉ trụ sở chính : Km2, xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum
- Điện thoại : 0260.6289549 - Fax: 0260.3916168; Website: ktsduongkontum.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Đặng Thị Thu Hằng**.
- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin:  Định kỳ;  Bất thường;  24h;  theo yêu cầu;

### Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính kiểm toán niên độ 2022-2023.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn : [http://ktsduongkontum.vn/quan hệ cổ đồng](http://ktsduongkontum.vn/quan_hệ_cổ_đồng).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT;

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC



**Đặng Thị Thu Hằng**

Số: 197.../CV- KTS  
(V/v: Báo cáo tài chính Năm 2022-  
2023 - kỳ hoạt động từ ngày  
01/07/2022 đến 30/06/2023)

KonTum, ngày 06 tháng 09 năm 2023

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Đường Kon Tum thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Năm 2022-2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên công ty : **Công ty CP Đường Kon Tum**

- Mã chứng khoán: **KTS**
- Địa chỉ: Km2, Vinh Quang, TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
- Điện thoại liên hệ: Tel: 02606.289549 Fax : 02603.916168
- Email: [ctyduongkontum@yahoo.com.vn](mailto:ctyduongkontum@yahoo.com.vn) ; Website : [ktsduongkontum.vn](http://ktsduongkontum.vn)

**BCTC Năm 2022-2023 (từ 01/07/2022 đến 30/06/2023)**

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày:06/09/2023 tại đường dẫn: [http://ktsduongkontum.vn/quan hệ cổ đồng](http://ktsduongkontum.vn/quan-hệ-cổ-đồng)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KONTUM

### Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2022-2023
- Văn bản giải trình kết quả hoạt động kinh doanh Năm 2022-2023



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Dặng Thị Thu Hằng*

Số: 198/CV- KTS

Kon Tum, ngày 06 tháng 09 năm 2023

V/v: “Giải trình kết quả hoạt động kinh  
doanh niên độ 2022-2023”

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)  
- CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ Phần Đường Kon Tum

Mã chứng khoán: KTS

Địa chỉ: Km 2 – Xã Vinh Quang – TP Kon Tum – T. Kon Tum

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh niên độ 2021-2022 và niên độ 2022-2023.

Công ty Cổ Phần Đường Kon Tum giải trình về sự biến động tăng, giảm của kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2022-2023 so với kết quả hoạt động kinh doanh niên độ 2021-2022 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Niên độ 2021-2022 (Từ 01/07/2021 đến 30/06/2022)	Niên độ 2022-2023 (Từ 01/07/2022 đến 30/06/2023)	Tăng/giảm (+/-)	% tăng/giảm
Lợi nhuận sau thuế	8.009.977.458	38.196.713.389	30.186.735.931	376,86%

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty Cổ Phần Đường Kon Tum niên độ 2022-2023 tăng 30.186.735.931 đồng so với cùng kỳ niên độ 2021-2022, tương ứng với tỷ lệ tăng 376,86 % là do:

Sản lượng đường tiêu thụ tăng dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng, lãi gộp tăng, lợi nhuận sau thuế niên độ 2022-2023 tăng so với cùng kỳ niên độ 2021-2022.

Công ty Cổ Phần Đường Kon Tum xin gửi công văn này đến quý cơ quan và các nhà đầu tư để giải trình về kết quả kinh doanh của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT; TCKT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Dặng Thị Thu Hằng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG KON TUM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐƯỜNG KON TUM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 34

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Narayanasamy Ravichandran	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08/08/2023)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đặng Thị Thu Hằng**  
**Tổng Giám đốc**

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Số: 787/2023/KT-RSMHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 08 năm 2023 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1



Nguyễn Thị Bích Thảo

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
4341-2019-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/07/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>283.159.881.612</b>	<b>193.257.047.508</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.204.069.409</b>	<b>2.053.184.841</b>
1. Tiền	111	4.1	4.204.069.409	2.053.184.841
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>250.273.989.919</b>	<b>107.847.010.029</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	218.641.462.400	84.526.847.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	28.298.166.479	20.972.627.463
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.140.000.000	3.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		3.830.388.469	2.843.956.470
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(3.636.027.429)	(3.636.420.904)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.5	<b>28.597.933.202</b>	<b>83.286.201.784</b>
1. Hàng tồn kho	141		30.455.041.262	83.602.232.166
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.857.108.060)	(316.030.382)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>83.889.082</b>	<b>70.650.854</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		83.889.082	70.650.854
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>198.352.032.371</b>	<b>207.928.346.697</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>195.629.195.062</b>	<b>205.789.743.613</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	194.371.070.396	204.524.433.228
Nguyên giá	222		385.182.455.280	377.978.149.508
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(190.811.384.884)	(173.453.716.280)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.258.124.666	1.265.310.385
Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(700.669.620)	(693.483.901)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>83.882.539</b>	<b>61.849.570</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		83.882.539	61.849.570
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.638.954.770</b>	<b>2.076.753.514</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.638.954.770	2.076.753.514
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>481.511.913.983</b>	<b>401.185.394.205</b>

(Xem tiếp trang sau)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/07/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>277.642.704.223</b>	<b>231.619.223.186</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>239.814.704.223</b>	<b>183.791.223.186</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	19.564.380.685	2.216.289.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.987.984.920	678.350.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	13.492.728.806	6.117.395.513
4. Phải trả người lao động	314		961.757.829	829.432.637
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.622.625.985	1.496.331.262
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		334.545.455	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		515.203.312	458.050.381
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.9	189.886.100.696	169.446.463.671
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.10	8.919.000.000	2.025.357.500
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		530.376.535	523.551.773
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>37.828.000.000</b>	<b>47.828.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.9	37.828.000.000	47.828.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>203.869.209.760</b>	<b>169.566.171.019</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.11.1	<b>203.869.121.578</b>	<b>169.566.082.837</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.11.2	50.700.000.000	50.700.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.11.5	18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.11.5	4.361.155.047	7.935.631.808
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.523.937.838	89.646.422.336
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		89.327.224.449	81.636.444.878
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.196.713.389	8.009.977.458
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>88.182</b>	<b>88.182</b>
1. Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>481.511.913.983</b>	<b>401.185.394.205</b>



Phê duyệt

Đặng Thị Thu Hằng  
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Người lập

Võ Thị Ái Thùy  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	547.677.775.904	176.395.520.303
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		547.677.775.904	176.395.520.303
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	479.659.077.099	148.400.884.210
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.018.698.805	27.994.636.093
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.026.464.936	9.483.127.587
6. Chi phí tài chính	22	5.4	22.625.184.585	19.562.167.322
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		22.621.833.485	19.558.275.722
7. Chi phí bán hàng	25		2.043.981.448	681.965.842
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	7.239.368.417	6.163.579.105
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.136.629.291	11.070.051.411
10. Thu nhập khác	31		142.723.003	821.220.742
11. Chi phí khác	32		1.674.297.336	1.353.788.863
12. Lợi nhuận khác	40		(1.531.574.333)	(532.568.121)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.605.054.958	10.537.483.290
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.408.341.569	2.527.505.832
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.196.713.389	8.009.977.458
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.11.4	7.534	1.481
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.11.4	7.534	1.481



Phê duyệt

**Đặng Thị Thu Hằng**  
**Tổng Giám đốc**

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Người lập

**Võ Thị Ái Thùy**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		428.877.923.967	252.575.637.400
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(378.430.530.609)	(187.389.849.339)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.151.489.046)	(15.048.846.037)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(21.981.442.346)	(23.365.622.122)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	4.8	(2.527.505.832)	(1.605.734.470)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		13.635.396.613	11.115.254.060
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.770.687.372)	(24.777.692.409)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.348.334.625)</b>	<b>11.503.147.083</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.655.549.622)	(1.515.144.856)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.715.131.790	11.936.932.772
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>59.582.168</b>	<b>10.421.787.916</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	283.807.867.181	185.829.559.826
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(273.368.230.156)	(208.473.862.779)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>10.439.637.025</b>	<b>(22.644.302.953)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM</b>				
<b>(50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.150.884.568</b>	<b>(719.367.954)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.053.184.841	2.772.552.795
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>4.204.069.409</b>	<b>2.053.184.841</b>



Phê duyệt

**Đặng Thị Thu Hằng**  
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Người lập

*Thùy*

**Võ Thị Ái Thùy**  
Kế toán trưởng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12 tháng 05 năm 2008 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3803000111 ngày 27 tháng 10 năm 2006 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại có mã số 6100228104) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 987/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 456/CV-KTS ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 50.700.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/07/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Việt Nam	7.605.000.000	15	7.605.000.000	15
Ông Nguyễn Tất Đạt	Việt Nam	3.588.000.000	7	3.588.000.000	7
Các cổ đông khác	Đa quốc gia	39.507.000.000	78	39.507.000.000	78
<b>Cộng</b>		<b>50.700.000.000</b>	<b>100</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 206 (01/07/2022: 188).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm có liên quan.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Đặc thù kinh doanh của Công ty là theo mùa vụ, vụ mía thông thường bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 06 năm sau. Trong năm nay, sản lượng đường tiêu thụ tăng mạnh do nhu cầu thị trường tăng. Vì vậy, doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay của Công ty tăng mạnh so với năm trước (tương đương lần lượt khoảng 210% và 377%).

### **1.5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm trước đến ngày 30 tháng 06 năm nay.

### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.3. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng tại ngày báo cáo.

### **3.4. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.5. Hàng tồn kho (tiếp theo)**

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 08 – 50 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 07 – 15 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 07 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 08 – 10 năm |

### **3.7. Thuê tài sản**

#### ***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### ***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.9. Dự phòng phải trả**

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### **3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

#### ***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

*(Xem tiếp trang sau)*

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.11. Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### ***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **3.12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

### **3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

### **3.15. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: miễn thuế;
- Thu nhập từ hoạt động khác: 20%.

##### ***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.15. Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### *Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015, Công ty được miễn thuế cho thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Cụ thể, thu nhập từ hoạt động sản xuất đường của Công ty tại địa bàn tỉnh Kon Tum được miễn thuế.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.15. Thuế (tiếp theo)**

#### ***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phân bón: 0%;
- Đường và phụ phẩm từ đường, thuốc bảo vệ thực vật: 5%;
- Dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022. Cụ thể, các dịch vụ khác của Công ty được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

#### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.18. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **3.19. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Tiền mặt	364.557.462	319.911.520
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.839.511.947	1.733.273.321
<b>Cộng</b>	<b>4.204.069.409</b>	<b>2.053.184.841</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	119.676.390.000	8.154.887.000
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	43.250.000.000	7.881.460.000
Công ty TNHH Thương mại Thiên Thiên Phúc	34.600.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	15.800.000.000	67.290.500.000
Các khách hàng khác	5.315.072.400	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>218.641.462.400</b>	<b>84.526.847.000</b>

**4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	2.515.244.695	3.455.756.695
Ứng vốn cho nông dân đầu tư trồng mía vùng nguyên liệu	23.185.244.530	14.767.562.663
Trả trước cho người bán khác:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	2.327.491.270	1.057.620.605
Các nhà cung cấp khác	270.185.984	1.691.687.500
<b>Cộng</b>	<b>28.298.166.479</b>	<b>20.972.627.463</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/07/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	3.653.613.990	17.586.561	3.636.420.904	-
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/07/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	-	2.000.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	500.000.000	-	500.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	-	450.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	190.000.000	-	190.000.000	Trên 3 năm
Khác	513.613.990	17.586.561	496.420.904	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>3.653.613.990</b>	<b>17.586.561</b>	<b>3.636.420.904</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/07/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.559.423.761	(1.857.108.060)	2.767.317.885	(316.030.382)
Công cụ, dụng cụ	9.795.268.149	-	9.708.056.916	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.091.631.621	-	329.382.841	-
Thành phẩm	5.475.784.152	-	70.039.089.611	-
Hàng hóa	1.532.933.579	-	758.384.913	-
<b>Cộng</b>	<b>30.455.041.262</b>	<b>(1.857.108.060)</b>	<b>83.602.232.166</b>	<b>(316.030.382)</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/07/2022	110.296.767.263	264.593.046.396	2.545.235.634	543.100.215	377.978.149.508
Mua sắm, nâng cấp	-	6.511.434.210	816.363.636	-	7.327.797.846
Phân loại lại	-	(123.492.074)	-	-	(123.492.074)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>110.296.767.263</b>	<b>270.980.988.532</b>	<b>3.361.599.270</b>	<b>543.100.215</b>	<b>385.182.455.280</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/07/2022	50.559.485.145	120.251.051.620	2.147.937.636	495.241.879	173.453.716.280
Khấu hao trong năm	3.270.053.693	13.968.505.335	180.430.483	3.043.655	17.422.033.166
Phân loại lại	-	(64.364.562)	-	-	(64.364.562)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>53.829.538.838</b>	<b>134.155.192.393</b>	<b>2.328.368.119</b>	<b>498.285.534</b>	<b>190.811.384.884</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/07/2022	59.737.282.118	144.341.994.776	397.297.998	47.858.336	204.524.433.228
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>56.467.228.425</b>	<b>136.825.796.139</b>	<b>1.033.231.151</b>	<b>44.814.681</b>	<b>194.371.070.396</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 136.565.588.815 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.9.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 87.136.035.467 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/07/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	9.996.750.000	9.996.750.000	-	-
Phải trả người bán khác:				
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nông nghiệp Tiến Nông	8.531.880.000	8.531.880.000	-	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	-	-	699.080.000	699.080.000
Các nhà cung cấp khác	1.035.750.685	1.035.750.685	1.517.209.949	1.517.209.949
<b>Cộng</b>	<b>19.564.380.685</b>	<b>19.564.380.685</b>	<b>2.216.289.949</b>	<b>2.216.289.949</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bông, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/07/2022 VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Điều chỉnh tăng/(giảm) theo biên bản kiểm tra thuế	Phải nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	11.995.243.626	26.657.629.659	17.912.562.906	-	3.250.176.873	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.408.341.569	1.408.341.569	2.527.505.832	(175.201.633)	2.702.707.465	
Thuế thu nhập cá nhân	68.016.354	142.415.274	200.028.931	(5.825.746)	131.455.757	
Thuế tài nguyên	21.127.257	137.024.640	149.178.067	225.266	33.055.418	
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	195.398.252	195.398.252	-	-	
Các loại thuế khác	-	288.415.565	288.415.565	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>13.492.728.806</b>	<b>28.829.224.959</b>	<b>21.273.089.553</b>	<b>(180.802.113)</b>	<b>6.117.395.513</b>	

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/07/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	179.886.100.696	179.886.100.696	283.807.867.181	263.368.230.156	159.446.463.671	159.446.463.671
Vay dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>189.886.100.696</b>	<b>189.886.100.696</b>	<b>293.807.867.181</b>	<b>273.368.230.156</b>	<b>169.446.463.671</b>	<b>169.446.463.671</b>
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	47.828.000.000	47.828.000.000	-	10.000.000.000	57.828.000.000	57.828.000.000
Trừ nợ vay dài hạn đến hạn trả	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>37.828.000.000</b>	<b>37.828.000.000</b>	<b>(10.000.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>47.828.000.000</b>	<b>47.828.000.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>227.714.100.696</b>	<b>227.714.100.696</b>	<b>283.807.867.181</b>	<b>273.368.230.156</b>	<b>217.274.463.671</b>	<b>217.274.463.671</b>

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 180 tỷ VND, có thời hạn 1 năm, chịu lãi suất từ 7,5%/năm đến 10,5%/năm và dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị với giá trị còn lại là 136.565.588.815 VND – Xem thêm Mục 4.6;
- Quyền sử dụng đất tại Km2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;
- Hàng tồn kho và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngân hàng dài hạn là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 80 tỷ VND, có thời hạn 5 năm, chịu lãi suất từ 10,5%/năm đến 12%/năm và dùng để đầu tư nâng công suất nhà máy đường của Công ty. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay là dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.10. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Dự phòng sửa chữa tài sản cố định	6.540.000.000	-
Dự phòng quỹ tiền lương	2.379.000.000	2.025.357.500
<b>Cộng</b>	<b>8.919.000.000</b>	<b>2.025.357.500</b>

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vĩnh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11. Vốn chủ sở hữu****4.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/07/2021	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	9.036.762.274	82.136.444.878	163.157.235.845
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	8.009.977.458	8.009.977.458
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm tài chính 2020-2021	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(1.101.130.466)	-	(1.101.130.466)
Tại ngày 01/07/2022	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	7.935.631.808	89.646.422.336	169.566.082.837
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	38.196.713.389	38.196.713.389
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm tài chính 2021-2022	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tặng khác	-	-	-	-	180.802.113	180.802.113
Sử dụng quỹ	-	-	-	(3.574.476.761)	-	(3.574.476.761)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>2.609.812.512</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>4.361.155.047</b>	<b>127.523.937.838</b>	<b>203.869.121.578</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM**

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Vốn góp của Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Vốn góp của Ông Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.700.000.000</b>	<b>50.700.000.000</b>

**4.11.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/07/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.070.000	5.070.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.11.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	38.196.713.389	8.009.977.458
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(500.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	38.196.713.389	7.509.977.458
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.070.000	5.070.000
<b>Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>7.534</b>	<b>1.481</b>

(\*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2023 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2023. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

**4.11.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/07/2022	18.674.216.181	7.935.631.808
Sử dụng trong năm	-	(3.574.476.761)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>18.674.216.181</b>	<b>4.361.155.047</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.12. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	ĐVT	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/07/2022
Hàng hoá nhận ký gửi, giữ hộ:			
Đường thành phẩm	Tấn	288,80	4.010,90
Mật rỉ	Tấn	1.914,15	623,78
		<b>Tại ngày 30/06/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/07/2022 VND</b>
Nợ khó đòi đã xử lý:			
Các nông dân trồng mía – Xóa nợ do các công nợ này không còn khả năng thu hồi		12.459.952.254	12.459.952.254

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán đường	499.918.524.767	153.096.893.812
Doanh thu bán mật rỉ	28.606.985.148	10.320.914.285
Doanh thu bán phân bón, thuốc trừ sâu	15.943.947.792	10.802.869.619
Doanh thu khác	3.208.318.197	2.174.842.587
<b>Cộng (*)</b>	<b>547.677.775.904</b>	<b>176.395.520.303</b>

(\*) Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

388.804.541.077 127.211.530.682

Mục 1.4 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân tăng doanh thu năm nay so với năm trước.

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	440.637.827.382	130.977.110.976
Giá vốn mật rỉ	24.463.317.947	9.852.660.458
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu	14.466.476.357	7.562.822.965
Giá vốn khác	91.455.413	8.289.811
<b>Cộng</b>	<b>479.659.077.099</b>	<b>148.400.884.210</b>

Giá vốn hàng bán năm nay tăng tương ứng với biến động doanh thu năm nay.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.3. Doanh thu tài chính**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi trả chậm	4.056.921.834	8.904.863.562
Lãi đầu tư vùng nguyên liệu	950.205.399	568.917.276
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.337.703	9.346.749
<b>Cộng (*)</b>	<b>5.026.464.936</b>	<b>9.483.127.587</b>
(*) Trong đó, lãi trả chậm từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	463.885.890	2.263.480.797

**5.4. Chi phí tài chính**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	21.996.013.648	19.421.574.352
Chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng	625.819.837	136.701.370
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.351.100	3.891.600
<b>Cộng (*)</b>	<b>22.625.184.585</b>	<b>19.562.167.322</b>
(*) Trong đó, chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	625.819.837	136.701.370

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.813.489.733	4.210.434.715
Chi phí vật liệu quản lý	489.431	113.569
Chi phí đồ dùng văn phòng	130.438.491	121.417.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	512.811.207	463.785.858
Thuế, phí và lệ phí	32.221.962	35.947.920
Dự phòng/(Hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	(393.475)	2.460.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.470.282	101.996.431
Chi phí bằng tiền khác	1.553.840.786	1.227.422.034
<b>Cộng</b>	<b>7.239.368.417</b>	<b>6.163.579.105</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	376.371.592.608	185.193.457.425
Chi phí nhân công	18.148.938.892	14.694.277.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.350.945.601	17.105.308.281
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(393.475)	2.460.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.461.864.375	5.835.343.037
Chi phí bằng tiền khác	2.808.422.284	1.824.053.824
<b>Cộng</b>	<b>435.141.370.285</b>	<b>224.654.900.738</b>

**5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	39.605.054.958	10.537.483.290
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	8.213.090.407	9.415.865.362
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	47.818.145.365	19.953.348.652
<i>Thu nhập từ sản xuất đường được miễn thuế</i>	40.776.437.522	7.315.819.493
<i>Thu nhập chịu thuế khác</i>	7.041.707.844	12.637.529.159
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.408.341.569	2.527.505.832
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>1.408.341.569</b>	<b>2.527.505.832</b>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Các khoản trích trước chưa có hóa đơn, chứng từ;
- Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**

**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	283.807.867.181	185.829.559.826

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(273.368.230.156)	(208.473.862.779)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không có báo cáo bộ phận vì theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là từ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đường nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Kon Tum. Do vậy, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty TNHH Kim Hà Việt
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt
3. Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa
4. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
5. Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh
6. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc
7. Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên
8. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Bà Tạ Ngọc Hương – vợ ông Trần Ngọc Hiếu (thành viên HĐQT Công ty) là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt  
 Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt  
 Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt  
 Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt  
 Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt  
 Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt  
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	45.201.250.000	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	25.892.640.000	2.054.887.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	25.500.000.000	6.100.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	23.082.500.000	-
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.2</b>	<b>119.676.390.000</b>	<b>8.154.887.000</b>
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND

Trả trước người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.3:

Công ty TNHH Kim Hà Việt	2.515.244.695	3.455.756.695
--------------------------	---------------	---------------

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	3.090.235.926	310.097.672
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	-	82.442.740
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	12.973.972
<b>Cộng</b>	<b>3.090.235.926</b>	<b>405.514.384</b>
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	9.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	46.750.000	-
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.7</b>	<b>9.996.750.000</b>	<b>-</b>
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	1.416.000.000	-
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	191.238.095.238	68.571.428.572
Công ty TNHH Kim Hà Việt	87.635.751.190	41.973.435.443
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	43.677.251.429	16.666.666.667
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	43.048.809.886	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	21.983.333.334	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	1.221.300.000	-
<b>Cộng – Xem thêm Mục 5.1</b>	<b>388.804.541.077</b>	<b>127.211.530.682</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	98.904.761.905	4.857.142.857
Công ty TNHH Kim Hà Việt	1.687.083.636	2.926.115.650
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	42.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>100.634.345.541</b>	<b>7.783.258.507</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thu lãi trả chậm:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	443.795.890	1.425.764.658
Công ty TNHH Kim Hà Việt	20.090.000	203.935.663
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	-	68.520.547
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	-	565.259.929
<b>Cộng – Xem thêm Mục 5.3</b>	<b>463.885.890</b>	<b>2.263.480.797</b>

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	476.188.274	-
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	149.631.563	136.701.370
<b>Cộng – Xem thêm Mục 5.4</b>	<b>625.819.837</b>	<b>136.701.370</b>

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	230.356.000	196.489.636
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	372.412.000	371.711.997
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	164.062.739	161.683.654
<b>Cộng</b>		<b>1.042.830.739</b>	<b>1.005.885.287</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Đức Cần	Thành viên	181.464.583	173.335.403
<b>Cộng</b>		<b>325.464.583</b>	<b>317.335.403</b>

**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	<u>Năm trước VND (Được báo cáo lại)</u>	<u>Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.481	1.580
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.481	1.580

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được báo cáo lại do Công ty thực hiện điều chỉnh số tạm trích trong báo cáo trước đây theo số được phê duyệt trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 25 tháng 09 năm 2023.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Trích):

	<u>Năm trước VND (Được báo cáo lại)</u>	<u>Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)</u>
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	185.193.457.425	176.811.133.001
Chi phí nhân công	14.694.277.518	15.966.633.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.105.308.281	17.175.464.531
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.460.653	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.835.343.037	2.033.345.809
Chi phí bằng tiền khác	1.824.053.824	1.843.697.774
<b>Cộng</b>	<b>224.654.900.738</b>	<b>213.830.274.131</b>

Việc điều chỉnh thuyết minh các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố là để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính hiện hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc trình bày lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

Phê duyệt



**Đặng Thị Thu Hằng**

**Tổng Giám đốc**

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Người lập

A handwritten signature in black ink, appearing to read "Thùy".

**Võ Thị Ái Thùy**  
**Kế toán trưởng**